

Bản án số: 38/2018/HS-PT

Ngày: 01/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Minh Tự

Ông Ngô Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2018/HSPT, ngày 23/8/2018 đối với bị cáo Thạch T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS – ST, ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo có kháng cáo: **Thạch T** sinh năm 1997, tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ, sinh năm 1964 và bà Thạch Thị Kim H, sinh năm 1964; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Thạch T: Bà Trần Thị Hợp, Trợ Giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh số 02 (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không có kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 08/3/2018, bị cáo Thạch T đến nhà của bà Thạch Thị D để tìm bà D với mục đích vay tiền. Sau khi gặp bà D, bị cáo T hỏi vay tiền nhưng bà D không cho vay. Sau đó, bà D bỏ đi ra chuồng bò cách nhà của bà D khoảng 20 – 25m. Lúc này, bị cáo T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số: 84G1 – 388.23 của bà D đang dựng trước nhà nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong cốp xe của bà D, vì trước đó bị cáo thấy bà D thường hay để tiền trong cốp xe. Sau khi quan sát xung quanh không thấy ai, bị cáo đi đến chiếc xe mô tô của bà D, nhưng do yên xe đã được khóa lại nên bị cáo dùng tay trái để kéo yên xe lên tạo khoảng trống, rồi đưa tay phải vào trong cốp xe, lấy ra 01 cái bóp nhỏ bằng vải rồi để vào trong áo phía trước bụng và chạy bộ về nhà. Khi về đến nhà, bị cáo kiểm tra bên trong cái bóp vải thì phát hiện có 24.000.000 đồng và 01 cái hộp (loại hộp dùng để đựng vàng) bên trong hộp có 01 chiếc lắc đeo tay, 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn nhỏ có mặt hình cầu, trọng lượng và trị giá bao nhiêu thì bị cáo không rõ.

Sau khi kiểm tra xong, bị cáo lấy 12.000.000 đồng và cái hộp đựng số vàng trên ra chôn phía sau nhà của mình, còn lại 12.000.000 đồng, bị cáo đem trả nợ cho chị Trần Thị D1 số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục đến cửa hàng Thế giới di động để mua một điện thoại di động hiệu Sony, màu vàng, số IMEI 1: 359906081169711, số IMEI 2: 359906081169729 với số tiền là 6.800.000 đồng, số tiền còn lại 2.200.000 đồng bị cáo T cùng với Kim T, sinh năm 1997 (ngụ cùng ấp) tiêu xài hết.

Tại bản kết luận giám định số: 1412/C54b, ngày 29/3/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản kết luận định giá tài sản số: 07 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận:

- 01 lắc đeo tay hàm lượng vàng 73,27%, trọng lượng 39,2728 gam (10 chỉ 4 phân 7,2 ly) có giá là 28.075.000 đồng;

- 01 nhẫn mặt hình cầu nhỏ hàm lượng vàng 67,30%, trọng lượng 0,8745 gam (3 phân 2,7 ly) có giá là 805.000 đồng;

- 01 đôi bông tai gắn đá tám trắng hàm lượng vàng 67,78%, trọng lượng 2,0849 gam (bao gồm đá) (7 phân 8,1 ly bao gồm đá) có giá là 1.936.000 đồng.

Tổng giá trị của số vàng là 30.816.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: không có.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

1. Tuyên bố:

Tuyên bố bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Thạch T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2018, bị cáo Thạch T kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do xin xem xét lại bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Thạch T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

- *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thạch T thừa nhận chính bị cáo là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà D tổng giá trị 30.816.000 đồng. Từ đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị cáo Thạch T xin hưởng án treo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Thạch T: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những phân tích trên Vì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự sửa án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Thạch T là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Thạch T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Thạch T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự, bị cáo có đầy đủ sức khỏe nhưng không chăm lo làm ăn chân chính tạo dựng cuộc sống để có tiền tiêu xài cho bản thân và nhu cầu về vật chất nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thạch T thừa nhận chính bị cáo là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà D tổng giá trị 30.816.000

đồng nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân là đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Bản án sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là chính xác, đúng pháp luật.

Về hình phạt cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Thạch T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là đã xem xét đánh giá một cách toàn diện, khách quan tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục và răn đe là cần thiết, hình phạt nêu trên cũng đã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị tại địa phương trong đấu tranh phòng chống tội phạm nhất là thanh thiếu niên lười lao động, ham chơi đua đòi vật chất và dễ thỏa mãn nhu cầu không chính đáng của bản thân. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[3] Đề nghị của Viện Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Vị luật sư cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo Thạch T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với quan điểm đề nghị áp dụng Điều 65 cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với các tình tiết trong vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận trước khi thực hiện hành vi trộm biết rõ là vi phạm pháp luật, mục đích trộm là để tiêu xài cá nhân nên quan điểm người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Thạch T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thạch T

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HSST, ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố bị cáo Thạch T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Thạch T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Án phí: Bị cáo Thạch T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành